Market Highlight

03 October 2014

HOSE 10/03/2014

VNINDEX	611.54	-1.12	-0.18%

KLGD		190,314,722	CP
GTGD		3,553.61	Tỷ
GTR NDTNN	-	370.27	Tỷ

CP Tăng giá	134	CP
CP Giảm giá	79	CP
CP Đứng giá	91	CP

HNX 03/10/2014

HNXINDEX	90.32	0.06	0.07%

KLGD		84,536,483	CP
GTGD		1,159.25	Tỷ
GTR NDTNN		8.41	Tỷ

CP Tăng giá	111	CP
CP Giảm giá	97	CP
CP Đứng giá	171	CP

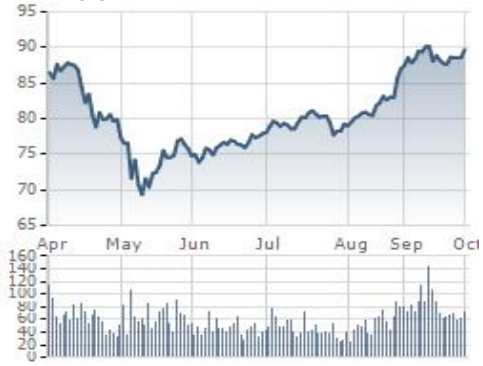

VN30 & HNX30 INDEX

VN30	659.25	-0.39	-0.06%
HNX30	185.00	-0.36	-0.20%

VietinBankSc
306 Ba Trieu
Hai Ba Trung
Hanoi
Vietnam
Tel: (844) 3974 7952
Fax: (844) 3974 1760
www.vietinbanksc.com.vn

Tâm điểm

- **Điều chỉnh nhẹ cuối phiên, 2 sàn đóng cửa trái chiều**
- **Thanh khoản thị trường có sự gia tăng**
  Tổng giá trị giao dịch cả 2 sàn đạt mức khoảng 4.600 tỷ đồng
- **Xuất khẩu đang tăng trưởng tốt, cả năm có thể xuất siêu 1.5 tỷ USD**
  Thông tin từ buổi làm việc giữa Thủ tướng Chính phủ với Bộ Công Thương chiều
  Vietnamplus
- **HSBC dự báo lạm phát năm nay chỉ ở mức 3.7%**
  Theo bản báo cáo về triển vọng kinh tế vĩ mô Việt Nam số tháng 10/2014 của HSBC
  Thời báo Ngân hàng
- **CPI tháng 10 sẽ không tăng đột biến**
  Thị trường hàng hóa ổn định và CPI tháng 10 sẽ tăng nhẹ
  Công thương
- **CDC: 9 tháng ước lãi gần 7 tỷ, đạt 68% kế hoạch**
  Công ty cũng dự kiến phát hành 747,936 cp để trả cổ tức đợt cuối 2013
  Vietstock
- **VIC: Đã mua 70% Ocean Retail, đổi tên thành VinMart**
  Dự kiến đến năm 2017, VinMart sẽ có khoảng 100 siêu thị và 1.000 cửa hàng tiện ích
  DVO

Thị trường / Ngành

Thị trường / Ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Theo thị trường					
HOSE	1,096,382	15.3	3.2	19.4%	10.5%
HNX	147,537	15.0	1.8	9.1%	4.5%
Toàn bộ thị trường	**1,243,919**	**17.2**	**3.2**	**18.8%**	**10.0%**
Theo ngành					
Nhựa, cao su & sợi	7,565	6.9	1.0	13.6%	9.0%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	20,250	9.2	1.5	16.4%	11.1%
Thép và sản phẩm thép	39,376	17.2	2.2	20.8%	9.6%
Khai khoáng	12,386	67.2	5.5	0.4%	0.1%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	23,301	16.4	1.5	11.2%	7.4%
Xây dựng	33,636	49.7	1.4	-2.0%	1.9%
Máy công nghiệp	9,301	9.9	1.5	15.1%	10.3%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	11,471	9.1	1.6	18.7%	13.5%
Lốp xe	8,877	11.0	3.2	27.5%	11.8%
Nuôi trồng nông & hải sản	21,088	12.1	1.8	16.8%	6.2%
Thực phẩm	199,233	24.3	4.8	20.6%	16.1%
Dược phẩm	15,384	10.7	2.9	24.8%	16.3%
Phần mềm	18,866	11.7	2.4	21.5%	9.2%
Sản xuất & phân phối điện	25,858	6.1	1.4	-14.4%	0.5%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	211,550	17.3	5.7	33.0%	22.6%
Bảo hiểm nhân thọ	28,035	22.9	2.4	10.2%	2.1%
Môi giới chứng khoán	30,077	15.2	1.7	9.5%	7.0%
Ngân hàng	243,665	11.3	1.2	10.6%	0.9%
Bất động sản	172,190	17.5	2.9	20.9%	5.1%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	53,037	11.9	2.6	22.6%	9.5%

Thống kê thị trường

- HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Vui lòng tham khảo điều khoản sử dụng ở trang cuối

VietinBankSc © 2013

Sac Q. Nguyen
sacnq@vietinbanksc.com.vn

▶ Tin kinh tế

Xuất khẩu đang tăng trưởng tốt, cả năm có thể xuất siêu 1.5 tỷ USD

Báo cáo tại buổi làm việc giữa Thủ tướng Chính phủ với Bộ Công Thương chiều 2/10, tại Hà Nội, Bộ trưởng Bộ Công thương Vũ Huy Hoàng cho biết, nhờ triển khai đồng bộ các giải pháp về thị trường và tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp… nên năm 2014 các chỉ tiêu về xuất khẩu và xuất siêu sẽ vượt kế hoạch. Cụ thể, năm 2014 kim ngạch xuất khẩu có thể đạt từ 148-150 tỷ USD, tăng 12%-13.5% so với năm 2013; nhập khẩu cả năm sẽ đạt khoảng 146.5 tỷ USD, tăng 11% so với năm 2013. Như vậy, cả năm 2014, Việt Nam có thể xuất siêu khoảng 1.5 tỷ USD.

HSBC dự báo lạm phát năm nay chỉ ở mức 3.7%

Theo bản báo cáo về triển vọng kinh tế vĩ mô Việt Nam số tháng 10/2014 của Khối Nghiên cứu kinh tế của Ngân hàng HSBC, lĩnh vực xuất khẩu của Việt Nam đang hoạt động rất tốt, đạt tăng trưởng 14.1% tính từ đầu năm đến nay. Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng ngành sản xuất của HSBC (PMI) phản ánh khá rõ xu hướng này. PMI đã liên tục tăng trong 12 tháng liên tiếp kể từ tháng 9/2013. Trong ngắn hạn, HSBC kỳ vọng nền kinh tế sẽ duy trì ổn định. Áp lực lạm phát không đáng kể khi nguồn cung thực phẩm dồi dào, lực cầu trong nước yếu, tín dụng tăng trưởng thấp và giá cả xăng dầu thấp. Lạm phát toàn phần giảm đến mức 3.6% trong tháng 9 so với cùng kỳ năm ngoài dù chi phí giáo dục tăng. HSBC dự báo lạm phát sẽ ở mức 3.7% vào cuối năm nay so với cùng kỳ năm ngoái.

CPI tháng 10 sẽ không tăng đột biến

Tổ điều hành thị trường trong nước (Bộ Công thương) dự báo, thị trường hàng hóa cuối năm sẽ chịu tác động của các yếu tố như: nhu cầu hàng hóa tiêu dùng, thực phẩm, nhiên liệu; nhu cầu tăng vào dịp lễ, Tết… Do đó, giá các mặt hàng này có thể tăng. Ngoài ra, nguồn cung tiền ra thị trường tăng sẽ tác động đến thị trường hàng hóa. Dù vậy, do khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế còn thấp, tâm lý chi tiêu còn dè dặt cùng với việc sát sao trong công tác điều hành thị trường của các bộ, ngành, việc tiếp tục triển khai các chương trình bình ổn thị trường của các địa phương nên thị trường hàng hóa sẽ không có sự tăng giá đột biến. Trước mắt, CPI tháng 10 sẽ tăng không cao hơn nhiều so với tháng 9.

Sac Q. Nguyen
sacnq@vietinbanksc.com.vn

▶ Tin doanh nghiệp

CDC: 9 tháng ước lãi gần 7 tỷ, đạt 68% kế hoạch

CTCP Chương Dương (HOSE: CDC) dự kiến kết quả kinh doanh 9 tháng đầu năm với chỉ tiêu sản lượng 264 tỷ đồng, đạt 77% kế hoạch. Doanh thu 145 tỷ đồng, bằng 52% kế hoạch và ước lợi nhuận 6.8 tỷ đồng, bằng 68% kế hoạch. Được biết, CDC là doanh nghiệp hoạt động chính trong lĩnh vực xây lắp và kinh doanh bất động sản. Ngày 1/10, Chương Dương đã hoàn thành cất nóc Tân Hương Tower , dự kiến bàn giao căn hộ vào tháng 6/2015. Gần 100% diện tích cho thuê tại Central Garden được phủ kín. Các hợp đồng thi công vẫn đang thực hiện đúng tiến độ. Công ty cũng dự kiến phát hành 747,936 cp để trả cổ tức đợt cuối 2013. Ngày giao dịch không hưởng quyền là 14/10 và ngày chốt danh sách vào 16/10.

VIC: Đã mua 70% Ocean Retail, đổi tên thành VinMart

Ngày 3/10/2014, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương (Ocean Group) công bố chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại Công ty cổ phần bán lẻ và quản lý bất động sản Đại Dương (Ocean Retail). Trong đó, 70% cổ phần được chuyển nhượng cho Tập đoàn VinGroup. Phía Vingroup cho bi ết, theo kế hoạch, sau khi thương vụ M &A của Ocean Retail hoàn tất các thủ tục , toàn bộ hệ thống OceanMart sẽ được đổi tên thành hệ thống VinMart. Hệ thống VinMart sẽ là các siêu thị có diện tích từ 3,000m2 đến 15,000m2 và chuỗi VinMart + là các cửa hàng tiện ích có diện tích từ 150 đến 300m2. Ocean Retail là một thành viên của Ocean Group , được thành lập tháng 9/2010 với vốn điều lệ 300 tỷ đồng. Ocean Retail là đơn vị quản lý , vận hành, kinh doanh hệ thống siêu thị Ocean Mart.

CTI: Phát hành 18 triệu cp tăng vốn lên 330 tỷ đồng

CTCP Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO (HOSE: CTI) vừa có thông báo chào bán 18 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá 10,000 đồng/cp. Trong đó CTI sẽ phát hành cho cổ đông hiện hữu 16.5 triệu cổ phiếu với giá bằng mệnh giá 10,000 đồng/cp, tỷ lệ 10:11 (mỗi cổ đông sở hữu 11 cổ phiếu được quyền mua 10 cổ phiếu); phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu 1.5 triệu cổ phiếu. Nếu chào bán thành công vốn điều lệ của CTI sẽ tăng từ 150 lên 330 tỷ đồng. Theo đó thì tổng giá trị cần huy động là 165 tỷ đồng, sẽ được dùng để tái cơ cấu nguồn vốn hiện có và bổ sung vào vốn hoạt động kinh doanh của Công ty.

Market Highlight

VietinBankSc

HOSE	10/03/2014	VNINDEX	611.54	-1.12	-0.18%	190,314,722 CP	3,553.61 bil VND

Điều chỉnh nhẹ cuối phiên, 2 sàn đóng cửa trái chiều

VN-Index giảm 1.11 điểm (-0.18%), đóng cửa tại mức 611,55 điểm. VN-Index hình thành cây nến đỏ, thân nến ngắn, cây nến gần giống nến Doji, thêm một cây nến thể hiện sự lưỡng lự nữa của VN-Index.

- MACD gia tăng trở lại, dù chưa cho tín hiệu mua nhưng đây là một dấu hiệu rất tích cực.
- Stochastic Oscillator tiếp tục gia tăng và đi vào vùng quá mua..
- Nhiều khả năng VN-Index sẽ tiếp tục tăng điểm nếu lực cầu vẫn duy trì tốt.

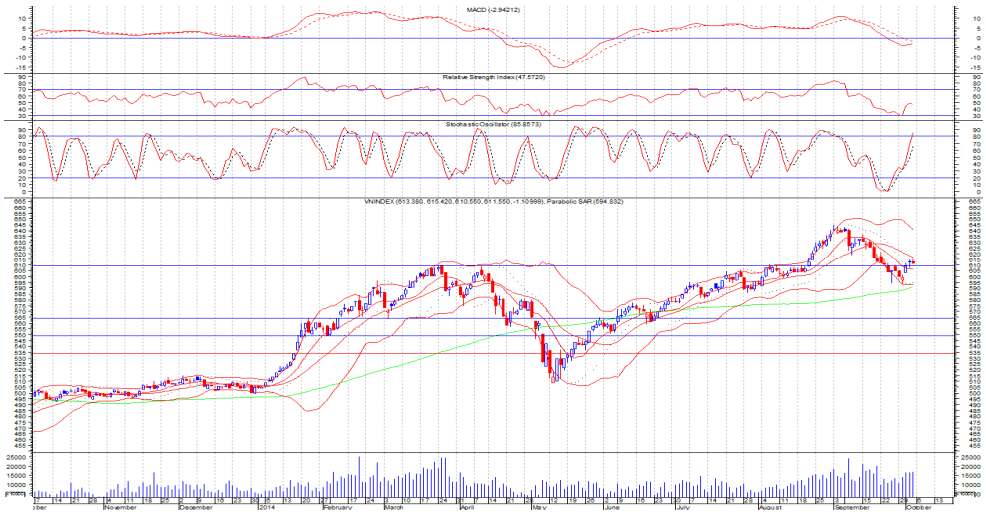

HOSE Top 5 theo KLGD

ITA	0.2 (2.2%)	15,444,450
FLC	-0.4 (-3.3%)	12,318,760
VHG	0.8 (6.5%)	7,189,110
OGC	0 (0.0%)	6,818,020
KBC	-0.1 (-0.6%)	5,991,060

HOSE Top 5 theo % tăng

CLL	2.7 (7.0%)	135,510
HAI	3 (7.0%)	744,940
VNL	1.6 (7.0%)	7,690
HVX	0.4 (6.9%)	120
SII	1.6 (6.9%)	64,440

HOSE Top 5 theo % giảm

ACC	-1.9 (-7.0%)	1,210
HSI	-0.2 (-6.7%)	3,750
NHW	-0.8 (-6.6%)	10
HLG	-0.3 (-6.1%)	510
KHA	-1.4 (-6.1%)	7,620

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

KBC	35,6	tỷ	2,249,890
PVD	13,7	tỷ	136,020
KDC	5,7	tỷ	93,880
DRC	5,4	tỷ	86,190
TDH	4,9	tỷ	258,280

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

VIC	-265,3	tỷ	5,374,029
VCB	-101,9	tỷ	3,457,830
HSG	-30,5	tỷ	680,730
GAS	-23,0	tỷ	214,950
DIG	-6,5	tỷ	415,270

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	-7,921,849 -	370.27

Nhận định / Bình luận thị trường

- TT vẫn duy trì được sự tích cực, dù áp lực chốt lời giá cao vẫn khá lớn nhưng số mã tăng giá vẫn tăng lên. VN-Index điều chỉnh nhẹ lúc đóng cửa.
- KLGD ở mức tương đương phiên hôm qua và đạt 170 triệu đơn vị. Thanh khoản gia tăng là một tín hiệu tích cực đối với thị trường.
- Khối ngoại bán ròng với giá trị 370,27 tỷ. Khối này mua nhiều ở mã KBC, PVD. Bán nhiều ở VCB, VIC.
- Ngưỡng kháng cự 610 điểm đã được kiểm chứng thành công. Với sự tích cực của dòng tiền, chúng tôi vẫn tin tưởng vào một đợt hồi phục mới của chỉ số này.
- NĐT tận dụng nhịp điều chỉnh để có thể gia tăng lượng nắm giữ cổ phiếu, phân bổ danh mục vào nhóm cổ phiếu BĐS, Xây dựng, Chứng khoán.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	106.0	200,870.00	17.7	5.8	33.6%	23.2%
VNM	1,000.1	107.0	107,012.69	17.6	5.8	34.1%	27.1%
VCB	2,665.0	27.5	73,288.06	15.9	1.6	10.6%	1.0%
VIC	1,420.3	50.0	71,015.56	14.4	4.0	27.6%	6.2%
MSN	735.8	82.0	60,336.27	-1,483.9	4.2	-0.3%	-0.1%
CTG	3,723.4	14.6	54,361.71	9.4	1.0	10.7%	1.0%
BID	2,811.2	13.9	39,075.72	9.7	1.2	12.3%	0.7%
PVD	303.0	100.0	30,303.69	13.2	2.8	22.7%	10.7%
HPG	481.9	59.0	28,432.58	10.2	2.7	28.3%	12.8%
BVH	680.5	41.0	27,899.33	22.9	2.4	10.2%	2.1%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	255.9	17.8	4,554.26	18.4	1.5	NA	TH.DOI
FPT	343.9	53.5	18,398.34	11.7	2.5	NA	TH.DOI
CII	115.5	21.4	2,472.28	8.2	1.5	NA	TH.DOI
BMP	45.5	69.5	3,160.75	8.6	2.0	NA	TH.DOI
NHS	60.8	11.2	680.40	4.1	0.7	NA	TH.DOI
FDC	27.6	27.7	764.80	3.1	1.2	NA	TH.DOI

Market Highlight

HNX	03/10/2014	HNX-Index	90.32	0.06	0.07%	84,536,483 CP	1,159.25 bil. VND

Điều chỉnh nhẹ cuối phiên, 2 sàn đóng cửa trái chiều

Chỉ số HNX-Index tăng 0.06 điểm (+0.07%), đóng cửa tại mốc 90.32 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến xanh với thân nến ngắn, HNX-Index tiếp tục tăng điểm nhẹ.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator gia tăng mạnh và đi sâu vào vùng quá mua.
- MACD gia tăng trở lại và sắp cho tín hiệu mua.
- RSI (14) duy trì ở mức 66.
- Đà tăng nếu tiếp tục được duy trì cùng sự gia tăng của thanh khoản là một tín hiệu tích cực cho thị trường ở những phiên tới.

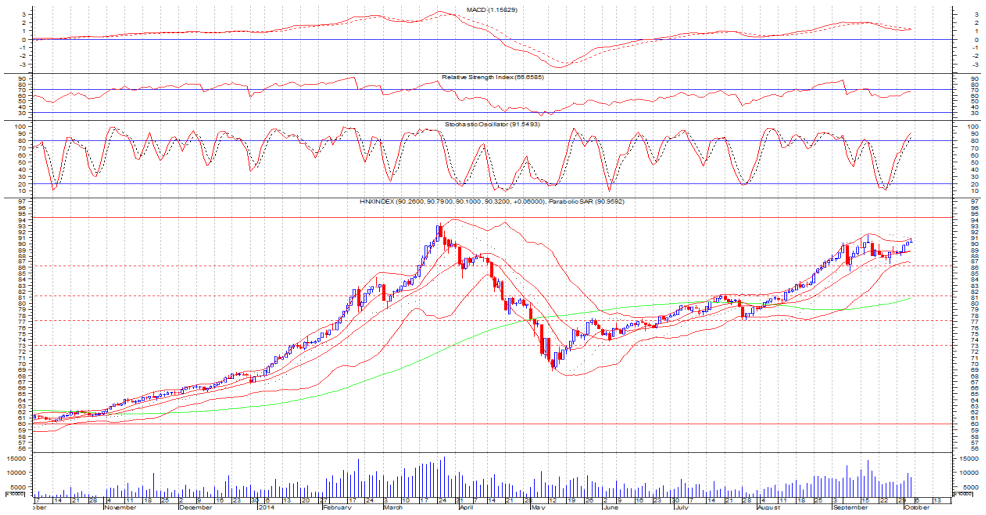

HNX Top 5 theo KLGD

PVX	-0.2 (-3.0%)	12,263,230
KLF	-0.5 (-3.9%)	12,048,410
SHB	0 (0.0%)	5,020,370
FIT	1.9 (7.9%)	4,432,930
SCR	-0.1 (-0.9%)	3,578,210

HNX Top 5 theo % tăng

BXH	1.1 (10.0%)	700
LM3	0.3 (10.0%)	3,100
PEN	1.4 (9.8%)	8,810
SDG	2.2 (9.6%)	658,000
DNP	1.6 (9.5%)	3,710

HNX Top 5 theo % giảm

NDF	-3.9 (-9.8%)	559,200
PIV	-1 (-9.3%)	100
VE9	-1 (-9.2%)	5,500
ECI	-1.9 (-9.1%)	300
CJC	-2.2 (-8.9%)	200

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

PVS	10,0	tỷ	237,800
SHB	5,4	tỷ	582,800
VCG	1,4	tỷ	95,700
PVX	0,7	tỷ	100,265
VGS	0,6	tỷ	74,300

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

VND	-5,8	tỷ	336,600
DBC	-5,4	tỷ	175,200
LAS	-0,7	tỷ	18,900
TNG	-0,5	tỷ	24,600
BCC	-0,3	tỷ	19,100

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	720,665	8.41

Nhận định / Bình luận thị trường

- TT vẫn duy trì được sự tích cực, dù áp lực chốt lời giá cao vẫn khá lớn nhưng số mã tăng giá vẫn tăng lên. HNX-Index thu hẹp đà tăng lúc đóng cửa
- KLGD sụt giảm và đạt 84 triệu đơn vị. Dù sụt giảm nhưng đây vẫn là mức khá, nó cho thấy tín hiệu tích cực đối với thị trường.
- Khối ngoại mua ròng với giá trị 8,41 tỷ. Tập trung bán nhiều ở VND, DBC. Trong khi mua nhiều ở PVS, SHB.
- HNX-Index kiểm chứng thành công ngưỡng 90 điểm. Với sự tích cực của dòng tiền, chúng tôi vẫn tin tưởng vào một đợt hồi phục mới của chỉ số này.
- NĐT tận dụng nhịp điều chỉnh để có thể gia tăng lượng nắm giữ cổ phiếu, phân bổ danh mục vào nhóm cổ phiếu BĐS, Xây dựng, Chứng khoán.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
PVS	446.7	42.3	18,895.43	10.6	2.3	21.7%	7.1%
ACB	909.8	15.1	13,737.69	20.5	1.1	5.4%	0.4%
SQC	107.3	80.0	8,583.92	- 152.4	7.4	-4.4%	-3.4%
SHB	886.1	9.2	8,151.97	9.5	0.8	8.2%	0.7%
VCG	441.7	14.6	6,448.98	11.4	1.2	10.4%	2.4%
OCH	200.0	25.6	5,120.00	84.3	2.5	2.8%	1.5%
PVI	225.2	18.4	4,142.91	14.1	0.7	4.7%	1.9%
VNR	131.1	22.0	2,883.67	9.2	1.1	12.7%	5.7%
NTP	56.3	49.2	2,771.89	7.1	2.0	22.9%	15.2%
LAS	77.8	34.4	2,677.42	6.9	1.8	27.5%	15.2%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	36.6	1,390.80	8.8	1.5	NA	TH.DOI
AAA	39.6	16.7	661.32	6.6	0.8	NA	TH.DOI
VND	100.0	17.1	1,709.98	15.5	1.4	NA	TH.DOI
NTP	56.3	49.2	2,771.89	7.1	2.0	NA	TH.DOI
PVC	50.0	34.6	1,730.00	10.4	2.0	NA	TH.DOI
DXP	7.9	43.5	342.56	6.9	1.6	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)
VIC	HOSE	1,420.3	71,015.56	15.75%	50.0	14.39	3.97	2,866,980	2,636,388	1,640,788
HPG	HOSE	481.9	28,432.58	13.53%	59.0	10.16	2.68	716,722	771,649	887,068
PVD	HOSE	303.0	30,303.69	11.69%	100.0	13.18	2.79	585,780	731,011	484,278
MSN	HOSE	735.8	60,336.27	11.42%	82.0	#######	4.22	249,294	227,279	259,326
HAG	HOSE	789.9	20,616.37	8.11%	26.1	17.87	1.53	4,848,394	4,000,320	3,212,842
STB	HOSE	1,142.5	21,479.22	6.47%	18.8	7.91	1.28	848,364	609,196	396,570
VCB	HOSE	2,665.0	73,288.06	5.75%	27.5	15.88	1.64	819,022	624,385	467,144
DPM	HOSE	379.9	11,853.95	4.79%	31.2	9.24	1.31	1,101,522	1,234,329	1,186,332
ITA	HOSE	718.9	6,613.93	2.96%	9.2	69.74	0.82	7,829,502	8,884,197	6,748,545
KBC	HOSE	389.8	6,431.04	2.57%	16.5	28.33	1.27	5,945,171	4,913,736	2,697,808
BVH	HOSE	680.5	27,899.33	2.30%	41.0	22.94	2.40	549,455	346,663	216,905
HSG	HOSE	96.3	4,334.09	2.06%	45.0	13.12	1.80	152,031	186,046	168,965
GMD	HOSE	116.1	4,297.11	1.83%	37.0	8.60	0.90	1,765,780	1,217,235	573,804
PPC	HOSE	318.2	8,272.02	1.68%	26.0	16.59	1.61	1,080,589	945,435	763,281
HVG	HOSE	132.0	4,289.99	1.56%	32.5	34.72	1.75	1,589,556	2,268,349	1,273,304
CSM	HOSE	67.3	3,162.72	1.50%	47.0	8.68	2.62	294,845	337,184	321,403
PVT	HOSE	255.9	4,554.26	1.48%	17.8	18.35	1.51	2,081,827	2,658,416	2,042,191
DRC	HOSE	83.1	5,233.65	1.48%	63.0	13.75	3.73	279,284	246,475	230,938
VSH	HOSE	206.2	3,031.75	1.31%	14.7	14.26	1.12	623,691	707,419	726,641
DIG	HOSE	178.7	2,824.15	1.01%	15.8	74.94	1.16	1,889,851	1,165,188	528,716
OGC	HOSE	300.0	3,930.00	0.76%	13.1	48.36	1.24	4,760,180	4,261,457	2,758,253

Công ty quản lý	**DB Platinum Advisors**	Ngày lập quỹ	**15/01/2008**	SLCKVN	**22/22**
Chỉ số tham chiếu	**FTST Vietnam Index**	Ngày lập chỉ số	**14/05/2007**	TGTTSQL	**361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)
VIC	HOSE	1,420.3	71,015.56	8.28%	50.0	14.39	3.97	2,866,980	2,636,388	1,640,788
MSN	HOSE	735.8	60,336.27	8.09%	82.0	#######	4.22	249,294	227,279	259,326
VCB	HOSE	2,665.0	73,288.06	6.66%	27.5	15.88	1.64	819,022	624,385	467,144
STB	HOSE	1,142.5	21,479.22	6.34%	18.8	7.91	1.28	848,364	609,196	396,570
PVS	HNX	446.7	18,895.43	5.45%	42.3	10.58	2.25	4,660,069	5,148,173	3,789,665
BVH	HOSE	680.5	27,899.33	4.54%	41.0	22.94	2.40	549,455	346,663	216,905
DPM	HOSE	379.9	11,853.95	4.18%	31.2	9.24	1.31	1,101,522	1,234,329	1,186,332
PVD	HOSE	303.0	30,303.69	4.04%	100.0	13.18	2.79	585,780	731,011	484,278
HAG	HOSE	789.9	20,616.37	3.68%	26.1	17.87	1.53	4,848,394	4,000,320	3,212,842
ITA	HOSE	718.9	6,613.93	2.96%	9.2	69.74	0.82	7,829,502	8,884,197	6,748,545
PPC	HOSE	318.2	8,272.02	2.75%	26.0	16.59	1.61	1,080,589	945,435	763,281
FLC	HOSE	314.9	3,715.75	2.56%	11.8	8.42	1.04	17,297,575	19,875,746	16,988,121
SHB	HNX	886.1	8,151.97	2.53%	9.2	9.54	0.76	4,732,707	5,612,578	4,834,027
VCG	HNX	441.7	6,448.98	2.03%	14.6	11.42	1.17	2,339,470	1,978,874	1,216,613
OGC	HOSE	300.0	3,930.00	1.69%	13.1	48.36	1.24	4,760,180	4,261,457	2,758,253
PVT	HOSE	255.9	4,554.26	1.61%	17.8	18.35	1.51	2,081,827	2,658,416	2,042,191
DRC	HOSE	83.1	5,233.65	0.95%	63.0	13.75	3.73	279,284	246,475	230,938
IJC	HOSE	274.2	3,838.72	0.62%	14.0	23.37	1.34	1,495,155	1,963,310	2,103,169
PVX	HNX	400.0	2,600.00	0.00%	6.5	- 2.16	3.62	10,800,678	11,566,985	9,090,747

Công ty quản lý	**Van Eck Global**	Ngày lập quỹ	**08/11/2009**	SLCKVN	**17/27**
Chỉ số tham chiếu	**Market Vector Vietnam Index**	Ngày lập chỉ số	**24/11/2008**	TGTTSQL	**439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)
VIC	HOSE	1,420.3	71,015.56	0.00%	50.0	14.39	3.97	2,866,980	2,636,388	1,640,788
MSN	HOSE	735.8	60,336.27	0.00%	82.0	#######	4.22	249,294	227,279	259,326
DPM	HOSE	379.9	11,853.95	0.00%	31.2	9.24	1.31	1,101,522	1,234,329	1,186,332
HAG	HOSE	789.9	20,616.37	0.00%	26.1	17.87	1.53	4,848,394	4,000,320	3,212,842
VCB	HOSE	2,665.0	73,288.06	0.00%	27.5	15.88	1.64	819,022	624,385	467,144
STB	HOSE	1,142.5	21,479.22	0.00%	18.8	7.91	1.28	848,364	609,196	396,570
BVH	HOSE	680.5	27,899.33	0.00%	41.0	22.94	2.40	549,455	346,663	216,905
CTG	HOSE	3,723.4	54,361.71	0.00%	14.6	9.39	1.03	403,242	387,633	365,092
GAS	HOSE	1,895.0	200,870.00	0.00%	106.0	17.69	5.79	492,116	377,450	342,771

Công ty quản lý	**Royal Bank of Scotland**	Ngày lập quỹ	**19/09/2011**	SLCKVN	**9/142**
Chỉ số tham chiếu	**MSCI Frontier Markets Index**	Ngày lập chỉ số	**30/11/2007**	TGTTSQL	**22.25 mil.**

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	60,336.27	0.88%	82.0	#######	4.22	249,294	227,279	259,326
VIC	HOSE	1,420.3	71,015.56	0.56%	50.0	14.39	3.97	2,866,980	2,636,388	1,640,788
STB	HOSE	1,142.5	21,479.22	0.31%	18.8	7.91	1.28	848,364	609,196	396,570
VCB	HOSE	2,665.0	73,288.06	0.24%	27.5	15.88	1.64	819,022	624,385	467,144
DPM	HOSE	379.9	11,853.95	0.15%	31.2	9.24	1.31	1,101,522	1,234,329	1,186,332
BVH	HOSE	680.5	27,899.33	0.08%	41.0	22.94	2.40	549,455	346,663	216,905

Công ty quản lý	**iShares**	Ngày lập quỹ	**12/09/2012**	SLCKVN	**6/102**
Chỉ số tham chiếu	**MSCI Frontier 100 Index**	Ngày lập chỉ số	**30/11/2007**	TGTTSQL	**519.45 mil.**

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)

Công ty quản lý	**iShares**	Ngày lập quỹ		SLCKVN	
Chỉ số tham chiếu	**MSCI VN Investable Market Indx**	Ngày lập chỉ số	**01/12/2010**	TGTTSQL	**4,752.96 mil.**

Market Highlight

VietinBankSc

03 October 2014

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	7,565	6.9	1.0	13.6%	9.0%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	20,250	9.2	1.5	16.4%	11.1%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	2,827	26.6	1.0	3.4%	1.6%
Sản xuất giấy	875	7.7	1.0	12.9%	6.8%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	39,376	17.2	2.2	20.8%	9.6%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,926	3.3	0.8	24.6%	5.3%
Khai khoáng	12,386	67.2	5.5	0.4%	0.1%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	23,301	16.4	1.5	11.2%	7.4%
Xây dựng	33,636	49.7	1.4	-2.0%	1.9%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,188	8.2	1.2	16.2%	8.3%
Công nghiệp phức hợp	986	8.1	1.9	13.5%	9.6%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,365	6.8	1.0	13.5%	6.0%
Thiết bị điện	1,918	- 19.5	1.1	1.4%	-0.1%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	46	14.0	0.6	4.4%	3.1%
Máy công nghiệp	9,301	9.9	1.5	15.1%	10.3%
Vận tải					
Vận tải thủy	9,822	- 3.4	1.2	4.3%	1.1%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	11,471	9.1	1.6	18.7%	13.5%
Dịch vụ vận tải	6,369	8.2	1.6	18.6%	11.6%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	4,795	11.9	2.1	15.8%	7.7%
Đào tạo & Việc làm	238	9.9	0.8	9.1%	3.2%
Nhà cung cấp thiết bị	182	8.1	0.8	11.0%	4.5%
Chất thải & Môi trường	179	2.7	0.8	35.3%	16.5%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,111	18.5	1.3	11.8%	6.3%
Lốp xe	8,877	11.0	3.2	27.5%	11.8%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,589	8.0	1.3	15.6%	8.4%
Vang & Rượu mạnh	310	13.8	2.1	16.5%	10.4%
Đồ uống & giải khát	234	6.7	1.2	14.2%	9.5%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	21,088	12.1	1.8	16.8%	6.2%
Thực phẩm	199,233	24.3	4.8	20.6%	16.1%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	90	22.7	1.1	5.0%	3.8%
Thiết bị gia dụng	2,545	8.6	1.3	14.7%	7.2%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	604	47.6	1.5	3.2%	2.3%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,628	9.6	1.8	18.3%	7.1%
Giầy dép	11	- 1.6	0.7	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	5,699	10.5	2.0	18.0%	9.3%
Thuốc lá					
Thuốc lá	726	- 8.1	1.1	-1.7%	3.6%

Market Highlight

VietinBankSc

03 October 2014

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	1,013	16.5	1.1	6.4%	3.7%
Dụng cụ y tế	163	3.3	1.8	38.1%	16.3%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	211	9.6	1.3	13.4%	9.8%
Dược phẩm	15,384	10.7	2.9	24.8%	16.3%
Bán lẻ					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	248	46.7	0.8	1.7%	0.5%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	737	11.3	1.2	13.2%	7.9%
Phân phối hàng chuyên dụng	3,072	11.3	2.0	17.5%	3.3%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,122	9.8	1.0	10.3%	7.3%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	-	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!
Khách sạn	5,732	73.5	2.5	2.9%	1.7%
Dịch vụ giải trí	3,689	16.0	1.4	13.0%	10.8%
Vận tải hành khách & Du lịch	2,742	20.8	3.5	23.2%	20.0%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	68	15.9	0.5	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	772	18.5	1.0	5.7%	2.0%
Internet	318	67.1	0.8	1.1%	0.2%
Phần mềm	18,866	11.7	2.4	21.5%	9.2%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	503	17.4	0.8	4.3%	1.7%
Thiết bị văn phòng	298	5.1	1.1	22.4%	17.1%
Thiết bị viễn thông	13,335	34.5	7.9	33.7%	11.4%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	25,858	- 6.1	1.4	-14.4%	0.5%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	211,550	17.3	5.7	33.0%	22.6%
Nước	1,303	7.0	1.2	17.1%	11.5%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,387	8.0	1.0	11.7%	3.6%
Bảo hiểm phi nhân thọ	6,894	12.4	0.8	6.5%	2.6%
Tái bảo hiểm	2,884	9.2	1.1	12.7%	5.7%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	28,035	22.9	2.4	10.2%	2.1%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	4,111	49.6	1.3	2.6%	0.8%
Môi giới chứng khoán	30,077	15.2	1.7	9.5%	7.0%
Ngân hàng					
Ngân hàng	243,665	11.3	1.2	10.6%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	172,190	17.5	2.9	20.9%	5.1%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	13	3.3	0.9	34.7%	11.6%
Dầu khí					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	53,037	11.9	2.6	22.6%	9.5%

P/E: PE 4 quý gần nhất I **P/B**: Hệ số giá / Giá trị sổ sách I **ROE**: Lãi ròng / Vốn CSH I **ROA**: Lãi ròng / Tổng tài sản

- **Nguyễn Hữu Quang** — **Giám đốc Tư vấn Đầu tư**
  quangnh@vietinbanksc.com.vn

- **Nguyễn Quang Sắc** — sacnq@vietinbanksc.com.vn
  - Tổng hợp thông tin vĩ mô
  - Phân tích kỹ thuật
  - Nhận định, bình luận thị trường

- **Nguyễn Thu Hằng** — hangntt@vietinbanksc.com.vn
  - Ngân hàng
  - Thép và sản phẩm thép
  - Dược phẩm

- **Nguyễn Hoài Nam** — namnh@vietinbanksc.com.vn
  - Sản phẩm hóa dầu
  - Phân phối xăng dầu, khí đốt
  - Thiết bị và dịch vụ dầu khí

- **Vũ Ánh Nguyệt** — nguyetva@vietinbanksc.com.vn
  - Nhựa, cao su, sợi
  - Thực phẩm
  - Nuôi trồng nông và hải sản

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.